

Số: 2320 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án “Trung tâm Logistics BW Tân Hiệp” tại xã Tân Hiệp, huyện
Long Thành của Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 7355/STNMT-CCBVMT ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Sở
Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường Dự án của Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
539/TTr-STNMT ngày 22 tháng 9 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm Logistics BW Tân Hiệp” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- UBND xã Tân Hiệp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QDDTM.TrungtamLogisticsBWTanHiep-CityDeliwayVN



Vô Văn Phi



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN **“Trung tâm Logistics BW Tân Hiệp” tại xã Tân Hiệp, huyện Long Thành của** **Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trung tâm Logistics BW Tân Hiệp.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.2.1. Phạm vi ranh giới và quy mô diện tích của dự án:

- Phạm vi dự án xác định theo Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 13775/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai lập ngày 20 tháng 12 năm 2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mã số CV388520 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Deliway Việt Nam.

- Tổng diện tích dự án: 644.034,6 m².

- Nội dung được phê duyệt không bao gồm nội dung đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư thứ cấp vào Trung tâm Logistics BW Tân Hiệp và các hạng mục: (1) khai thác (kể cả khai thác tận thu nếu có) khoáng sản trong đất; (2) khai thác tận thu vật liệu san lấp mặt bằng; (3) hoạt động sơ chế, chế biến và đóng bao các loại hàng hóa.

1.2.2. Quy mô ngành nghề dự án đầu tư: Kinh doanh kho lưu giữ hàng hóa; quy mô 24 nhà kho với tổng diện tích là 304.250,1 m².

Các loại hàng hóa dự kiến thực hiện lưu giữ của dự án (không thuộc danh mục hàng hóa bị cấm đầu tư, kinh doanh theo quy định pháp luật về đầu tư) gồm: Nông sản dạng hạt; sản phẩm may mặc, giày; sản phẩm từ sợi bông, sợi đay; sản phẩm mỹ nghệ bằng gỗ; thực phẩm khô; hàng gia dụng; sản phẩm thiết bị điện tử, gia dụng; hạt nhựa, các sản phẩm liên quan đến nhựa, cao su; sản phẩm vật liệu xây dựng; vật liệu không cháy.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án (theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 số 2062/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Quy mô
1	Nhà kho	304.250,1	Hệ thống 24 nhà kho 01 - 02 tầng (nhà văn phòng 02-04 tầng) phục vụ cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê kho
2	Nhà điều hành và công trình phụ trợ	6.747,93	
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	10.615,62	
4	Đất cây xanh	136.155,15	
5	Mặt nước	3.322,3	
6	Đất giao thông	182.943,5	
	Tổng cộng	644.034,6	

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Trong giai đoạn xây dựng:
 - + Hoạt động đào, đắp đất phục vụ xây dựng các hạng mục.
 - + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, chất thải, máy móc thiết bị.
 - + Hoạt động thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải, lắp đặt máy móc thiết bị xử lý.
 - + Hoạt động của công nhân tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị.
- Trong giai đoạn vận hành:
 - + Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.
 - + Hoạt động của nhà đầu tư thứ cấp tại Dự án.
 - + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tham gia vận hành các công trình của Dự án và của người lao động trong các dự án đầu tư thứ cấp vào Dự án.
 - + Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn xây dựng: hoạt động đào, đắp đất phục vụ xây dựng các hạng mục; hoạt động thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải, lắp đặt máy móc thiết bị xử lý; hoạt động của công nhân tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị.
- Trong giai đoạn vận hành: hoạt động của nhà đầu tư thứ cấp tại Dự án; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tham gia vận hành các công trình của Dự án và của người lao động trong các dự án đầu tư thứ cấp vào Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

Tổng lượng nước thải trong giai đoạn thực hiện thi công xây dựng khoảng 9,6 m³/ngày, gồm:

- Nước thải sinh hoạt từ công nhân thi công trên công trường, khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, TDS, BOD₅, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat.

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, xe ra vào công trường khoảng 5,1 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, dầu mỡ khoáng.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án ước tính khoảng 337 m³/ngày (giai đoạn 1: 51,17 m³/ngày; giai đoạn 2: 71,35 m³/ngày; giai đoạn 3: 208,52 m³/ngày); thành phần đặc trưng gồm hợp chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải làm phát sinh bụi và khí thải phát sinh với thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO₂, SO₂, ...

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi dự án sẽ phát sinh bụi, khí thải có thành phần CO, NO_x, SO₂, ...

- Hoạt động bốc dỡ hàng hóa tại kho chứa phát sinh bụi.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung, tập kết chất thải phát sinh mùi hôi, khí H₂S, CH₄ từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, di chuyển cây xanh phát sinh sinh khối với khối lượng khoảng 5,61 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh gồm các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ với khối lượng khoảng 50 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh với khối lượng ước tính: giai đoạn 1 khoảng 6.165,7 tấn, giai đoạn 2 khoảng 6.165,7 tấn, giai đoạn 3 khoảng 17.263,9 tấn. Thành phần chính: Vật liệu xây dựng thải, bao bì,...

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại dự án với khối lượng ước tính: giai đoạn 1 khoảng 178,05 tấn/năm; giai đoạn 2

khoảng 22,9 tấn/năm; giai đoạn 3 khoảng 651 tấn/năm. Thành phần chính: Giấy báo, vỏ chai lon, túi nilon, hộp đựng thức ăn, thực phẩm thừa,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường với khối lượng ước tính: Giai đoạn 1 khoảng 370 kg/năm; giai đoạn 2 khoảng 370 kg/năm; giai đoạn 3 khoảng 850 kg/năm. Thành phần chính: bao bì thải, giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, bao bì nhựa, bao bì gỗ.

3.2.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công:

Chất thải nguy hại ước tính phát sinh: Giai đoạn 1 khoảng 54 kg, giai đoạn 2 khoảng 54 kg, giai đoạn 3 khoảng 130 kg. Thành phần chính: Giẻ lau, găng tay dính dầu, dầu thải, que hàn thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ...

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng ước tính: Giai đoạn 1 khoảng 375 kg/năm; giai đoạn 2 khoảng 375 kg/năm; giai đoạn 3 khoảng 750 kg/năm. Thành phần chính: Pin, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt, hóa chất, dầu nhớt tổng hợp thải, thiết bị điện tử thải.

- Ước tính lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 138 kg/ngày phải được phân tích xác định ngưỡng chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công như máy ép cọc, máy đào, ...

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Lắp đặt 10 nhà vệ sinh di động tại mỗi công trường thi công, tổng dung tích từ $900 \div 2.000$ lít/công trường hoặc nhà vệ sinh cố định đạt chuẩn thu gom/xử lý nước thải sinh hoạt bố trí tại các lán trại trong công trường thi công và các công trường để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Hố lắng nước thải bảo dưỡng (01 hố lắng tại mỗi công trường thi công), kích thước mỗi hố khoảng 0,7 m x 03 m x 05 m, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vớt dầu để tách vớt dầu trên bề mặt. Vớt dầu (chất thải chứa dầu) được thay thế định kỳ 01 tuần/lần, được thu gom khu lưu giữ, xử lý như chất thải nguy hại.

Quy trình: Nước thải rửa cốt liệu, bảo dưỡng → Hồ lắng có vải tách dầu → tuần hoàn sử dụng cho tưới ẩm khu vực thi công giảm thiểu bụi.

- Nước thải từ vệ sinh rửa bánh xe (01 hồ lắng tại mỗi công trường thi công), kích thước mỗi hồ khoảng 0,5 m x 03 m x 03 m, trước cửa thu vào hồ lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác.

- Hệ thống thoát nước mưa tạm thời trong quá trình san nền gồm: Các mương thoát nước mưa tạm thời theo từng khu vực san lấp; bố trí các hố ga tạm thời trên các trục thoát nước; thường xuyên nạo vét khơi thông tuyến mương thoát nước.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Trong phạm vi dự án, thiết kế xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng hệ thống thu gom và thoát nước thải; có 01 vị trí đầu nổi thoát nước thải sau xử lý của dự án vào hệ thống thoát nước chung của khu vực dẫn về nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải (đoạn thuộc xã Phước Thái, huyện Long Thành, theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt).

- Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn) → 1 hệ thống xử lý nước thải công suất khoảng 345 m³/ngày (giai đoạn 1: 60 m³/ngày, giai đoạn 2: 75 m³/ngày, giai đoạn 3: 210 m³/ngày).

- Công nghệ xử lý nước thải của dự án:

Nước thải → bể thu gom → bể điều hòa → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian → bồn lọc cát → bể khử trùng → hệ thống thoát nước chung của khu vực dẫn về sông Bến Ngự ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải (đoạn thuộc xã Phước Thái, huyện Long Thành).

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm về bể nén bùn sau đó qua máy ép bùn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực dẫn về sông Bến Ngự và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Lập hàng rào bằng tôn cao 2,5 - 03 m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc đã được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, ...; thường xuyên thu

dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chỉ sử dụng phương tiện vận tải có nguồn gốc, đã được đăng kiểm.
- Yêu cầu mỗi đơn vị thuê kho phải có những biện pháp, công trình xử lý bụi, khí thải phù hợp với hàng hóa lưu kho đảm bảo quy định hiện hành.
- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.
- Thường xuyên chuyển giao chất thải sinh hoạt tại kho chứa cho đơn vị chức năng để xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (trong đó đặc biệt cần kiểm soát các nguồn phát mùi hôi tại khu chứa chất thải sinh hoạt, các điểm thu gom, đầu nối nước thải và hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án).

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

- Chất thải từ quá trình đào đắp: Tận dụng tối đa đất đá thải để san lấp, tôn tạo cho phần đất trồng cây xanh, tạo cảnh quan của khu vực dự án; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào thùng rác đầy tay của đơn vị thu gom và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất thường xuyên.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Bố trí 3 khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể: Giai đoạn 1 khoảng 27 m²; Giai đoạn 2 khoảng 27 m²; Giai đoạn 3 khoảng 27 m².

- Bố trí 3 khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, cụ thể: Giai đoạn 1

khoảng 42,75 m²; Giai đoạn 2 khoảng 54 m²; Giai đoạn 3 khoảng 42,75 m².

- Yêu cầu các đơn vị thuê kho phải thực hiện nghiêm túc việc thu gom, phân loại chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan của tỉnh Đồng Nai; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công:

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công; lưu giữ trong các thiết bị chuyên dụng và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m², bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 03 đến 06 tháng/lần.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Dự án; lưu giữ trong thùng chứa và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích như sau: Giai đoạn 1 khoảng 22,5 m²; Giai đoạn 2 khoảng 27 m²; Giai đoạn 3 khoảng 22,5 m², bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định.

- Yêu cầu các đơn vị thuê kho phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi cụm công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi cụm công nghiệp.

- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà điều hành, công trình công cộng, công trình phụ trợ của dự án; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; lập phương án phòng cháy và chữa cháy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động chống ngập úng.

- Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung và lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong khu vực Dự án đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa thoát ra 01 điểm xả đầu nối vào suối cạn và 01 điểm xả đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (đoạn thuộc xã Phước Thái, huyện Long Thành, theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt)

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp khảo sát hiện trạng và đề xuất cụ thể phương án thoát nước mưa, nước thải sau xử lý từ ranh dự án đến nguồn tiếp nhận ngoài ranh dự án, không để xảy ra tình trạng ngập úng khu vực xung quanh.

- Không thực hiện đầu nổi nước thải sau xử lý của dự án vào hệ thống thoát nước mưa trong phạm vi dự án.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công; dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát không khí xung quanh:

- + Tần suất: 06 tháng/ 01 lần
- + Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm khu vực phía Nam dự án; khu vực trung tâm dự án; khu vực phía Bắc dự án.
- + Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO_x.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT (Cột A2)
- Giám sát chất thải rắn:
- + Tần suất: Hàng ngày
- + Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải tạm
- + Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng chất thải thông thường, khối lượng chất thải nguy hại.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm: Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành

5.3.1. Giám sát chất lượng nước thải định kỳ:

- Vị trí giám sát: 01 điểm (mẫu nước đầu ra sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án).
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ, động thực vật, phosphat, tổng coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về nước thải công nghiệp, cột B với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Vị trí giám sát: Tại các thùng chứa chất thải, kho chứa chất thải thông thường;
- Thông số giám sát: Phân loại, công tác lưu chứa chất thải; khối lượng, chủng loại chất thải; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

5.3.3. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Vị trí giám sát: Các thùng chứa chất thải nguy hại tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Phân loại, công tác lưu chứa chất thải nguy hại, quy cách kho lưu chứa chất thải; khối lượng, chủng loại chất thải; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn và chất lượng nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Xây dựng, đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải sau xử lý đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; đảm bảo các yêu cầu thiết kế kỹ thuật. Đồng thời, thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Trường hợp có thay đổi vị trí đấu nối thoát nước mưa, nước thải sau xử lý, Chủ dự án phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, xác định việc áp dụng quy chuẩn quy định đối với nước thải sau xử lý của dự án.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 37, Điều 41 và khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Đảm bảo tuân thủ về khoảng cách an toàn từ Dự án đến khu dân cư gần nhất theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo khoảng cách an toàn đến các đối tượng xung quanh theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu đơn vị thuê kho thực hiện các thủ tục môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án.

- Cam kết khắc phục, thực hiện bồi thường, đền bù các thiệt hại kịp thời nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường, phát tán bụi; phối hợp với UBND huyện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa những tuyến đường bị ảnh hưởng do việc vận chuyển gây ra trong quá trình thi công và hoạt động dự án.

- Các điều kiện kèm theo khác:

+ Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thủy lợi, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

+ Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

+ Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

+ Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường hiện hữu trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải phế thải xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu xây dựng, đổ thải phế thải xây dựng (nếu có) đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

+ Hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

+ Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.